

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ- ST

Ngày 12-4-2022

V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Triệu Thị Thủy Hoàn

- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-4-2022giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982- Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1979- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-3-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau ngày 10-12-2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị N và anh N chung sống hòa thuận, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh

N thay đổi tính nết không chịu lao động mải vui chơi rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Anh N còn có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Mọi công việc gia đình đều do chị N lo toan gánh vác, nên chị phải đi làm thuê để có thu nhập trang trải cuộc sống, ở nhà anh N phá tán hết tài sản. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên bảo, thôn bản và chính quyền địa phương đã can thiệp nhưng không có kết quả. Chị N và anh N đã sống ly thân hơn hai năm. Nay chị N xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị N và anh N có hai con chung tên là Hoàng Thị Ngọc L, sinh ngày 12-12-2005 và Hoàng Trung V, sinh ngày 29-01-2009. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Hoàng Thị Ngọc L và cháu Hoàng Trung V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16-3-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày: Anh N và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau ngày 10-12-2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N ngã dầm giáo bị sụn xương sống phải bán đất lấy tiền chữa bệnh nên nghỉ một thời gian không đi lao động được. Năm 2019 chị Nhung có quan hệ với người đàn ông khác không quan tâm đến gia đình. Anh N và chị Nhung đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Nay anh N xác định tình cảm với chị N vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh N và chị N có hai con chung tên là Hoàng Thị Ngọc L, sinh ngày 12-12-2005 và Hoàng Trung V, sinh ngày 29-01-2009. Anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu Hoàng Thị Ngọc L và cháu Hoàng Trung V, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho hai cháu L và cháu V.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị N được ly hôn anh N; chị N được trực tiếp nuôi hai cháu Hoàng Thị Ngọc L và cháu

Hoàng Trung V; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện Lục Yên là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau ngày 10-12-2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh N chung sống hòa thuận, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không chịu lao động, mãi vui chơi rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Mọi công việc gia đình đều do chị N gánh vác, ở nhà anh N phá tán hết tài sản. Chị N và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Về phía anh N xác định tình cảm với chị N vẫn còn anh không nhất trí ly hôn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh N không đưa ra được chứng cứ nào là còn tình cảm với chị N. Tại Biên bản xác minh ngày 29 tháng 3 năm 2022 ở Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái cũng xác nhận: Chị N và anh N chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không chịu khó lao động, hay rượu chè, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên bảo, chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị N và anh N là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị N được ly hôn anh N.

[4] *Về con chung:* Chị N và anh N có hai con chung tên là Hoàng Thị Ngọc L, sinh ngày 12-12-2005 và Hoàng Trung V, sinh ngày 29-01-2009. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung cháu L và cháu V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh N trong quá trình giải quyết vụ án anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu L và cháu V, yêu cầu chị N cấp dưỡng cho hai cháu L và cháu V 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa anh N thay đổi yêu cầu anh được trực tiếp nuôi một cháu Hoàng Trung V, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản xác

minh ngày 29 tháng 3 năm 2022 ở Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái đã xác nhận: Chị N là người chịu khó lao động, chăm lo cuộc sống gia đình, thu nhập của chị N hiện nay đi làm xây dựng tại Hà nội có mức từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, chị N vẫn thường xuyên thăm nom các con. Đối với anh N ở tại địa phương không có việc làm ổn định, mặt khác anh N không quan tâm đến gia đình vợ con, hay uống rượu say, không chịu khó lao động, nên thu nhập chỉ ở mức từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy: Cháu L và cháu V hiện nay đang ở cùng chị N, nguyện vọng của các cháu được ở cùng chị N, điều kiện của chị N chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục các con tốt hơn anh N. Do đó cần giao cháu L và cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu V. Áp dụng Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu L và cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn N.

2- *Về con chung xử*: Giao hai cháu Hoàng Thị Ngọc L, sinh ngày 12-12-2005 và cháu Hoàng Trung V, sinh ngày 29-01-2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung,

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0002196 ngày 08-3-2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị N, anh Hoàng Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh